



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 05/10/2020 Giờ thi: 16^h30 Phòng thi: PM1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
2	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm, không	C22QT2	
3	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT2	
4	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
5	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
6	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm, không	C22QT2	
7	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>[Signature]</u>	6,5	Sáu, năm	C22QT1	
8	2010100020	Võ Thị Cẩm Giang	03/12/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
9	2010100039	Quan Chí Hào	04/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
10	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>[Signature]</u>	9,5	Chín, năm	C22QT1	
11	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
12	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
13	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
14	2010100008	Trần Thị Kim Huệ	20/07/2001	<u>[Signature]</u>	/	/	C22QT1	
15	2010100003	Phạm Quốc Hùng	06/10/2001	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
16	2010100019	Trần Thị Thu Hường	02/12/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
17	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	15/12/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
18	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu, không	C22QT1	
19	2010010029	Nguyễn Hữu Lì	18/07/2002	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	C22QT1	
20	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
21	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
22	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<u>[Signature]</u>	5,0	Năm, không	C22QT1	
23	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
24	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/6/2002	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22QT1	
25	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT2	
26	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
27	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu, không	C22QT1	
28	2010100002	Nguyễn Đặng Hồng Phúc	04/06/2000	<u>[Signature]</u>	/	/	C22QT1	
29	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
30	2010100018	Thái Trung Quốc	08/11/2002	<u>[Signature]</u>	/	/	C22QT1	
31	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/9/1999	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy, không	C22QT1	
32	2010100042	Võ Lâm Thanh	24/12/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT2	

ST	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100024	Đỗ Thị Thu	Thảo	04/10/2002		10	Mười	C22QT1	
34	2010100015	Nguyễn Thị Anh	Thi	30/05/2002		5,5	Năm, năm	C22QT1	
35	2010100037	Nguyễn Thanh	Thủy	19/10/2002		8,0	Tám, không	C22QT2	
36	2010100011	Nguyễn Anh	Thư	12/05/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	
37	2010100001	Nguyễn Thị Minh	Thư	06/03/2001		8,0	Tám, không	C22QT1	
38	2010100025	Trần Thị Minh	Thư	15/10/2002		9,5	Chín, năm	C22QT1	
39	2010100017	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/07/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	
40	2010100035	Võ Thị Ngọc	Trâm	17/12/2002		7,0	Bảy, không	C22QT1	
41	2010100012	Đào Thị Diễm	Trình	18/12/2002		5,0	Năm, không	C22QT1	
42	2010100014	Phạm Thị Phương	Trình	06/07/2002		7,5	Bảy, năm	C22QT1	
43	2010100022	Võ Thị Cẩm	Vân	14/02/2002		8,5	Tám, năm	C22QT1	
44	2010100023	Huỳnh Bảo	Yến	11/11/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 3. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 02 tháng 11 năm 2020

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 05 tháng 10 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tân Phát



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: Trương Tấn Phát Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901603

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Tấn Phát

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/11/2020 Giờ thi: 13h00 Phòng thi: PM1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT2	
2	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT2	
3	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT2	
4	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
5	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
6	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
7	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
8	2010100020	Võ Thị Cẩm Giang	03/12/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
9	2010100039	Quan Chí Hòa	04/10/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT2	
10	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
11	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
12	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
13	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
14	2010100008	Trần Thị Kim Huệ	20/07/2001	<u>[Signature]</u>	—	—	C22QT1	
15	2010100003	Phạm Quốc Hùng	06/10/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
16	2010100019	Trần Thị Thu Hường	02/12/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
17	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	15/12/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT2	
18	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
19	2010010029	Nguyễn Hữu Li	18/07/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
20	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
21	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT1	
22	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
23	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
24	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/6/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
25	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín, không	C22QT2	
26	2010010043	Lê Huỳnh Như	28/08/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
27	2010100029	Võ Trúc Như	13/04/2001	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT1	
28	2010100002	Nguyễn Đặng Hồng Phúc	04/06/2000	<u>[Signature]</u>	—	—	C22QT1	
29	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT1	
30	2010100018	Thái Trung Quốc	08/11/2002	<u>[Signature]</u>	—	—	C22QT1	
31	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/9/1999	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám, không	C22QT1	
32	2010100042	Võ Lâm Thanh	24/12/2002	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	C22QT2	

ST	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002		8,5	Tám, năm	C22QT1	
34	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002		7,5	Bảy, năm	C22QT1	
35	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002		8,5	Tám, năm	C22QT2	
36	2010100011	Nguyễn Anh Thư	12/05/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	
37	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thư	06/03/2001		8,5	Tám, năm	C22QT1	
38	2010100025	Trần Thị Minh Thư	15/10/2002		9,0	Chín, không	C22QT1	
39	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002		10	Mười	C22QT1	
40	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002		9,5	Chín, năm	C22QT1	
41	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	
42	2010100014	Phạm Thị Phương Trinh	06/07/2002		9,0	Chín, không	C22QT1	
43	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	
44	2010100023	Huỳnh Bảo Yến	11/11/2002		8,0	Tám, không	C22QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 41 vắng thi: 3. Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____ Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 21 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 16 tháng 11 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tấn Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: NVTinh Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thảo Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100034	Phạm Thị Hồng Duyên	21/05/2002	<u>Duyen</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
2	2010100010	Từ Thị Mỹ Duyên	01/01/2002	<u>Duyen</u>	01	9,0	Chín, không	C22QT1	
3	2010100016	Nguyễn Thị Hồng Đào	05/07/2002	<u>Dao</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
4	2010100020	Võ Thị Cẩm Giang	03/12/2002	<u>Giang</u>	01	7,0	Bảy, không	C22QT1	
5	2010100004	Lương Diễm Hằng	28/07/2001	<u>Huong</u>	01	9,0	Chín, không	C22QT1	
6	2010100021	Trần Thị Bảo Hân	26/04/2002	<u>Han</u>	01	6,5	Sáu, năm	C22QT1	
7	2010100006	Nguyễn Văn Hoàn	08/03/2001	<u>Huan</u>	01	3,5	Ba, năm	C22QT1	
8	2010100003	Phạm Quốc Hùng	06/10/2001	<u>Hung</u>	01	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
9	2010100019	Trần Thị Thu Hường	02/12/2002	<u>Huong</u>	01	9,0	Chín, không	C22QT1	
10	2010130043	Nguyễn Thị Nhật Lan	23/10/2002	<u>Lan</u>	01	4,0	Bốn, không	C22QT1	
11	2010010029	Nguyễn Hữu Li	18/07/2002	<u>Li</u>	01	6,5	Sáu, năm	C22QT1	
12	2010100033	Lê Hoàng Long	09/10/2002	<u>Long</u>	01	8,0	Tám, không	C22QT1	
13	2010100026	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/06/2002	<u>Mai</u>	01	5,0	Năm, không	C22QT1	
14	2010100031	Nguyễn Trúc Mai	12/12/2002	<u>Mai</u>	01	4,5	Bốn, năm	C22QT1	
15	2010100013	Võ Hoàng Nam	15/10/2002	<u>Nam</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
16	2010100027	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/6/2002	<u>Ngan</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
17	2010010043	Lê Huỳnh Nhu	28/08/2002	<u>Nhu</u>	01	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
18	2010100029	Võ Trúc Nhu	13/04/2001	<u>Nhu</u>	01	9,0	Chín, không	C22QT1	
19	2010100032	Nguyễn Thị Hồng Phúc	07/07/2001	<u>Phuc</u>	01	9,0	Chín, không	C22QT1	
20	2010100009	Tạ Ngọc Như Quỳnh	22/9/1999	<u>Quynh</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
21	2010100024	Đỗ Thị Thu Thảo	04/10/2002	<u>Thao</u>	01	8,0	Tám, không	C22QT1	
22	2010100015	Nguyễn Thị Anh Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>	01	6,0	Sáu, không	C22QT1	
23	2010100011	Nguyễn Anh Thu	12/05/2002	<u>Thu</u>	01	8,0	Tám, không	C22QT1	
24	2010100001	Nguyễn Thị Minh Thu	06/03/2001	<u>Thu</u>	01	7,5	Bảy, năm	C22QT1	
25	2010100025	Trần Thị Minh Thu	15/10/2002	<u>Thu</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
26	2010100017	Nguyễn Thị Bích Trâm	05/07/2002	<u>Tram</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
27	2010100035	Võ Thị Ngọc Trâm	17/12/2002	<u>Tram</u>	01	8,5	Tám, năm	C22QT1	
28	2010100012	Đào Thị Diễm Trinh	18/12/2002	<u>Trinh</u>	01	0	không	C22QT1	
29	2010100022	Võ Thị Cẩm Vân	14/02/2002	<u>Van</u>	01	7,0	Bảy, không	C22QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 29 / 29 .

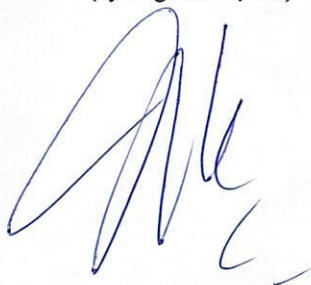
Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Tấn Phát

TRU

KI:

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 11/12/2020 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM2

Giám thị 1: Cao Thế Vinh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ngô Tiến Duy Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100023	Huỳnh Bảo Yên	11/11/2002	<u>[Signature]</u>		4,5	Bốn, năm	C22QT1	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

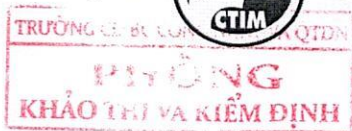
ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tân Phát



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901602

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: 11/12/2020

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Số tín chỉ: 3

Giám thị 1: Cao Thị Huệ Ký tên:

Giám thị 2: Nguyễn Duy Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100103	Nguyễn Danh Quốc Bảo	21/09/2001			5,5	Năm, năm	C22QT3	
2	2010100048	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/01/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT2	
3	2010100045	Nguyễn Thị Kim Chi	03/08/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
4	2010100044	Nguyễn Minh Trường Duy	18/05/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
5	2010100038	Nguyễn Thị Thùy Dương	22/11/2002			3,5	Ba, năm	C22QT2	
6	2010100039	Quan Chí Hào	04/10/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
7	2010100099	Trần Thúy Hằng	06/08/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT3	
8	2010100046	Nguyễn Thị Mỹ Hân	29/09/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
9	2010100036	Chung Thị Thúy Lan	15/12/2002			4,0	Bốn, không	C22QT2	
10	2010100104	Phan Thị Yến Linh	03/02/2000			5,5	Năm, năm	C22QT3	
11	2010100043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/05/2002			8,5	Tám, năm	C22QT2	
12	2010100095	Dương Thị Thảo Phương	17/4/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT3	
13	2010040070	Nguyễn Duy Phương	20/05/2002			5,5	Năm, năm	C22QT3	
14	2010100042	Võ Lâm Thanh	24/12/2002			5,0	Năm, không	C22QT2	
15	2010100177	Trần Thu Thảo	29/08/2001			3,5	Ba, năm	C22QT3	
16	2010100096	Võ Thị Hồng Thắm	12/04/2002			3,0	Ba, không	C22QT3	
17	2010100037	Nguyễn Thanh Thủy	19/10/2002			4,5	Bốn, năm	C22QT2	
18	2010100105	Phan Thành Triệu	07/8/2002			7,0	Bảy, không	C22QT3	
19	2010100097	Phan Trọng Văn	28/02/2002			0	không	C22QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 19 / 19 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày: 11 tháng 12 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Tân Phát